

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP**
Số: 378 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bù Đóp, ngày 05 tháng 12 năm 2022.

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện thu, chi NSNN 11 tháng, ước thực hiện đến hết năm 2022
và dự kiến dự toán thu, chi NSNN năm 2023.**

Căn cứ Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022 và dự toán thu, chi NSNN năm 2023;

Ủy ban Nhân dân huyện Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi NSNN 11 tháng, ước thực hiện đến hết năm 2022 và dự kiến dự toán thu, chi NSNN năm 2023 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU – CHI NSNN 11 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2022:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Tổng thu ngân sách địa phương 11 tháng năm 2022 (số liệu đến ngày 30/11): 824.152 triệu đồng, đạt 88% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 86% Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 151% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 992.394 triệu đồng, đạt 106% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 103% Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện: 529.112 triệu đồng, đạt 97% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 93% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 318% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 573.658 triệu đồng, đạt 105% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 101% Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

Một số khoản thu Ngân sách Nhà nước như sau:

1. Thu từ khu vực thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 53.809 triệu đồng, đạt 53% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 83% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 90.022 triệu đồng, đạt 89% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

2. Thuế thu nhập cá nhân: 23.213 triệu đồng, đạt 111% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 142% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 23.300 triệu đồng, đạt 111% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

3. Lệ phí trước bạ: 26.937 triệu đồng, đạt 96% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 171% so với cùng

kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 28.000 triệu đồng đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

4. Thu phí và lệ phí: 2.754 triệu đồng, đạt 110% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 95% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 2.870 triệu đồng, đạt 115% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

5. Thu tiền sử dụng đất: 380.067 triệu đồng, đạt 106% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 801% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 387.000 triệu đồng, đạt 108% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 102% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 32.874 triệu đồng, đạt 110% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 103% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 249% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 32.900 triệu đồng đạt 110% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 103% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

II. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Tổng chi ngân sách địa phương 11 tháng (số liệu đến ngày 30/11): 731.921 triệu đồng, đạt 78% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 76% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 137% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 966.487 triệu đồng, đạt 103% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 370.648 triệu đồng, đạt 93% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 75% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 268% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm: 498.384 triệu đồng, đạt 126% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 101% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Trong đó:

a. Vốn XDCB theo phân cấp: Giao 23.415 triệu đồng. Giải ngân: 19.582 triệu đồng, đạt 84% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 94% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm: 23.415 triệu đồng, đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

b. XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Giao 348.880 triệu đồng. Giải ngân 290.543 triệu đồng, đạt 83% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 384% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 348.880 triệu đồng, đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

c. Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp (nguồn xổ số kiến thiết): Giao 7.000 triệu đồng. Giải ngân 6.065 triệu đồng, đạt 87% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 46% so với cùng kỳ năm 2021. Ước

thực hiện đến hết năm 2022: 7.000 triệu đồng, đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

d. Vốn ngân sách huyện: Giao 82.000 triệu đồng. Giải ngân 31.045 triệu đồng, đạt 38% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 75.387 triệu đồng, đạt 92% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

e. Bê tông xi măng (NS huyện): Giao 15.120 triệu đồng. Giải ngân 8.950 triệu đồng, đạt 59% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 15.120 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

f. Vốn chương trình mục tiêu NTM (NSDP): Giao 15.000 triệu đồng. Giải ngân 10.190 triệu đồng, đạt 68% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 15.000 triệu đồng, đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

2. Chi thường xuyên: 347.121 triệu đồng, đạt 67% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 79% Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 93% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 437.212 triệu đồng, đạt 84% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

- Trong đó:

a. Chi sự nghiệp kinh tế: 66.357 triệu đồng, đạt 69% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 68% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 96.516 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND huyện giao.

b. Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 94.278 triệu đồng, đạt 90% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 107% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 104.384 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND huyện giao.

c. Chi An ninh – Quốc phòng: 22.763 triệu đồng, đạt 88% so với Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao. Bằng 90% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 25.814 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND huyện giao.

3. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách Nhà nước: 9.681 triệu đồng, đạt 54% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao (trong đó: Công an huyện 223 triệu đồng, BCH quân sự huyện 4.881 triệu đồng, trung tâm y tế 2.063 triệu đồng, khối hành chính 518 triệu đồng, khối xã 1.996 triệu đồng). Bằng 40% so với cùng kỳ năm 2021. Ước thực hiện đến hết năm 2022: 18.017 triệu đồng đạt 100% so với Quyết định điều chỉnh UBND tỉnh giao và Nghị quyết điều chỉnh HĐND huyện giao.

4. VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN NGÂN SÁCH TỈNH:

Giao 115.214 triệu đồng. Giải ngân: 78.900 triệu đồng đạt 68,4% kế hoạch.

B. DỰ KIẾN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023:

1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2023: UBND tỉnh giao 216.000 triệu đồng, bằng 39% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 373.000 triệu đồng, bằng 65% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Trong đó:

- Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: UBND tỉnh giao 84.000 triệu đồng, bằng 83% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 84.000 triệu đồng bằng 83% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

- Lệ phí trước bạ: UBND tỉnh giao 30.000 triệu đồng, bằng 107% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 30.000 triệu đồng, bằng 107% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

- Thu tiền sử dụng đất: UBND tỉnh giao 70.000 triệu đồng, bằng 19% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 227.000 triệu đồng, bằng 60% so với dự toán điều chỉnh năm 2022 (Thu các dự án đấu giá 197.000 triệu đồng, thu chuyển đổi 30.000 triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2023:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2023: UBND tỉnh giao 587.054 triệu đồng, bằng 63% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 740.054 triệu đồng, bằng 77% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Trong đó:

Tổng các khoản thu cân đối ngân sách Nhà nước: UBND tỉnh giao 587.054 triệu đồng, bằng 63% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 740.054 triệu đồng, bằng 77% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

a. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: UBND tỉnh giao 191.970 triệu đồng, bằng 38% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 344.970 triệu đồng bằng 67% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: UBND tỉnh giao 395.084 triệu đồng, bằng 91% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 395.084 triệu đồng, bằng 92% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Bao gồm:

+ Bổ sung cân đối: 259.628 triệu đồng.

+ Bổ sung có mục tiêu: 126.456 triệu đồng.

+ Bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán: 9.000 triệu đồng.

(có biểu chi tiết kèm theo)

II. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023: UBND tỉnh giao 587.054 triệu đồng, bằng 63% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 740.054 triệu đồng bằng 77% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: UBND tỉnh giao 92.760 triệu đồng, bằng 23% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 302.000 triệu đồng, bằng 61% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Trong đó:

a. Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp: UBND tỉnh giao 23.000 triệu đồng, bằng 98% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 23.000 triệu đồng, bằng 98% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

b. Xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất: UBND tỉnh giao 60.760 triệu đồng, bằng 17% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 215.000 triệu đồng, bằng 62% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

c. Vốn ngân sách huyện: Dự kiến HĐND huyện giao 55.000 triệu đồng, bằng 67% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

d. Vốn CTMTQG XD NTM (NSĐP): Dự kiến UBND tỉnh giao 9.000 triệu đồng, bằng 60% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 9.000 triệu đồng, bằng 60% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

2. Chi thường xuyên: UBND tỉnh giao 482.960 triệu đồng, bằng 93% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 416.310 triệu đồng bằng 95% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

Trong đó:

a. Sự nghiệp kinh tế: Dự kiến HĐND huyện giao 68.513 triệu đồng, bằng 71% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

b. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: Dự kiến HĐND huyện giao 101.140 triệu đồng, bằng 97% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

c. Chi an ninh – Quốc phòng: Dự kiến HĐND huyện giao 23.494 triệu đồng, bằng 91% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

d. Chi khác ngân sách: UBND tỉnh giao 1.774 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 4.000 triệu đồng, bằng 200% so với dự toán điều chỉnh năm 2022. Trong đó vốn uỷ thác của ngân hàng chính sách xã hội là 2.000 triệu đồng.

3. Chi dự phòng ngân sách: UBND tỉnh giao 11.334 triệu đồng, bằng 63% so với dự toán điều chỉnh năm 2022, dự kiến HĐND huyện giao 11.334 triệu đồng, bằng 63% so với dự toán điều chỉnh năm 2022.

4. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: Dự kiến HĐND huyện giao 10.410 triệu đồng.

III. Cân đối ngân sách.

1. Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 344.970 triệu đồng.
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 395.084 triệu đồng.

Tổng nguồn thu là 740.054 triệu đồng; cân đối với tổng chi 740.054 triệu đồng, ngân sách địa phương cân bằng thu – chi.

(có biểu chi tiết kèm theo)

C. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2023

Để thực hiện đạt và vượt dự toán ngân sách năm 2023, các ngành, các cấp, cần triển khai thực hiện tốt một số nội dung trọng tâm sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách Nhà nước. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật NSNN, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết HĐND tỉnh bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện bán đấu giá các dự án sử dụng đất để đảm bảo nguồn thanh toán cho các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này. Trong điều hành cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

Trên cơ sở số giao dự toán thu năm 2023 của HĐND huyện. UBND các xã, thị trấn căn cứ khả năng tình hình phát triển kinh tế của địa phương để dự toán toàn bộ các khoản thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định của Điều 7 Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các quy định của pháp luật có liên quan.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

1. Chi đầu tư:

Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư hoàn thành thủ tục đấu thầu để khởi công và giải ngân nguồn vốn chậm nhất đến cuối quý I/2023.

Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng tập trung, tránh dàn trải, chống lãng phí, đồng thời xác định trách nhiệm của các đơn vị cá nhân trong thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản ở tất cả các khâu từ chuẩn bị đầu tư đến khi kết

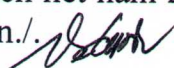
thúc dự án, đảm bảo đúng pháp luật, đúng trình tự xây dựng cơ bản, không để xảy ra tình trạng công trình chậm triển khai hoặc kéo dài so với hợp đồng đã ký kết.

2. Về chi thường xuyên:

Tiếp tục quán triệt quan điểm thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Từng bước giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, cùng với triển khai chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh

Quản lý chặt chẽ NSNN, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi ngân sách Nhà nước để đảm bảo chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; xử lý nghiêm các sai phạm trong quản lý tài chính ngân sách và quản lý tài sản công; thu hồi nợ NSNN đối với các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi.

Tổ chức điều hành chi NSNN năm 2023 theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Các xã chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã được giao để thực hiện chi cho công tác phòng, chống dịch trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo thực hiện thu, chi 11 tháng, ước thực hiện đến hết năm 2022 và dự kiến dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện./. 

Nơi nhận:

- TT. HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, PCT;
- Lưu: VT.



Lê Quang Vinh

BÁO CÁO THU NSNN 11 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN DỰ TOÁN THU NĂM 2023



(Kèm theo Báo cáo số 378/BC-UBND ngày 05 tháng 1 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 30/11/21	DT ĐC THU 2022		Thực hiện đến 30/11/22	Ước thực hiện đến 31/12	Dự kiến DT Thu 2023		So Sánh (%)						
			Tỉnh giao	Huyện giao			Tỉnh giao	Huyện giao							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	4/1	4/2	4/3	5/2	5/3	6/2	7/3
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	166.431	548.000	570.000	529.112	573.658	216.000	373.000	318	97	93	105	101	39	65
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	166.364	548.000	570.000	529.036	573.577	216.000	373.000	318	97	93	105	101	39	65
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	166.364	548.000	570.000	529.036	573.577	216.000	373.000	318	97	93	105	101	39	65
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	16	-	-	24	28	-	-	150						
	- Thuế giá trị gia tăng	10			13	15			130						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6			11	13			183						
	- Thuế tài nguyên														
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	747	600	600	1.449	1.460	1.000	1.000	194	242	242	243	243	167	167
	- Thuế giá trị gia tăng	362	300	300	723	730	500	500	200	241	241	243	243	167	167
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	374	300	300	726	730	500	500	194	242	242	243	243	167	167
	- Thuế tài nguyên	11													
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	64.637	101.000	101.000	53.809	90.022	84.000	84.000	83	53	53	89	89	83	83
	- Thuế GTGT	63.600	97.500	97.500	51.518	86.710	82.130	82.130	81	53	53	89	89	84	84
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	884	3.200	3.200	2.027	3.000	1.490	1.490	229	63	63	94	94	47	47
	- Thuế tài nguyên	114	150	150	186	230	250	250	163	124	124	153	153	167	167
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	39	150	150	78	82	130	130	200	52	52	55	55	87	87
	- Thu khác ngoài quốc doanh			-				-							
4	Thuế thu nhập cá nhân	16.291	21.000	21.000	23.213	23.300	17.500	17.500	142	111	111	111	111	83	83
5	Thuế bảo vệ môi trường			-				-							
6	Lệ phí trước bạ	15.789	28.000	28.000	26.937	28.000	30.000	30.000	171	96	96	100	100	107	107
7	Thu phí và lệ phí	2.885	2.500	2.500	2.754	2.870	3.100	3.100	95	110	110	115	115	124	124
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35	100	100	231	235	200	200	660	231	231	235	235	200	200
9	Thu tiền sử dụng đất	47.469	360.000	380.000	380.067	387.000	70.000	227.000	801	106	100	108	102	19	60
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	13.205	30.000	32.000	32.874	32.900	3.000	3.000	249	110	103	110	103	10	9
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	35	200	200	160	162	200	200	457	80	80	81	81	100	100
12	Thu khác	5.255	4.600	4.600	7.518	7.600	7.000	7.000	143	163	163	165	165	152	152
	+ Trong đó thu xử phạt ATGT	1.688	1.700	1.700	2.974	3.000	5.000	5.000	176	175	175	176	176	294	294
B	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	67	-	-	76	81	-	-							
1	Các khoản huy động đóng góp	67		-	76	81									

(Chữ ký)

STT	NỘI DUNG		Thực hiện 30/11/21	DT ĐC THU 2022		Thực hiện đến 30/11/22	Ước thực hiện đến 31/12	Dự kiến DT Thu 2023		So Sánh (%)						
				Tỉnh giao	Huyện giao			Tỉnh giao	Huyện giao							
A	B		1	2	3	4	5	6	7	4/1	4/2	4/3	5/2	5/3	6/2	7/3
	2	Các khoản thu, phí lệ phí khác			-											
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		544.672	936.556	961.996	824.152	992.394	587.054	740.054	151	88	86	106	103	63	77
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN		544.605	936.556	961.996	824.076	992.313	587.054	740.054	151	88	86	106	103	63	77
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp		132.583	502.150	517.970	462.129	518.590	191.970	344.970	349	92	89	103	100	38	67
	-	Các khoản thu 100%	8140	5.500	5.500	7.529	7.705	5.300	5.300	92	137	137	140	140	96	96
	-	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	124443	496.650	512.470	454.600	510.885	186.670	339.670	365	92	89	103	100	38	66
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		397.044	434.406	428.093	346.013	457.789	395.084	395.084	87	80	81	105	107	91	92
	-	Bổ sung cân đối	223.000	291.013	291.013	291.013	291.013	259.628	259.628	130	100	100	100	100	89	89
	+	Trong đó: vốn XD CB Trong cân đối	22.300	23.415	23.415	23.415	23.415	23.000	23.000	105	100	100	100	100	98	98
	-	Bổ sung có mục tiêu	146.098	116.424	116.424	55.000	116.424	126.456	126.456	38	47	47	100	100	109	109
	-	Bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán	27.946	26.969	20.656		50.352	9.000	9.000		-	-	187	244	33	44
3	Nguồn cải cách tiền lương		2.956													
4	Thu kết dư ngân sách năm trước		2.620		2.304	2.305	2.305			88				100		0
5	Thu chuyển nguồn		9.402		13.629	13.629	13.629			145				100		0
B	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN		67	-	-	76	81			113						
	1	Các khoản huy động đóng góp	67	-	-	76	81									
	2	Các khoản thu, phí lệ phí khác		-	-											

BÁO CÁO CHI NSNN 12 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 378/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Thực hiện 30/11/21	DTDC CHI NĂM 2022		Thực hiện đến 30/11/22	Ước thực hiện đến 31/12	Dự kiến DT Chi 2023		So Sánh (%)						
			Tỉnh giao	Huyện giao			Tỉnh giao	Huyện giao							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	4/1	4/2	4/3	5/2	5/3	6/2	7/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	535.935	936.556	961.996	731.921	966.487	587.054	740.054	137	78	76	103	100	63	77
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	535.935	936.556	961.996	731.921	966.487	587.054	740.054	137	78	76	103	100	63	77
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	138.340	396.773	493.893	370.648	498.384	92.760	302.000	268	93	75	126	101	23	61
1	Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp	20.781	23.415	23.415	19.582	23.415	23.000	23.000	94	84	84	100	100	98	98
2	XDCB từ nguồn sử dụng đất	75.624	348.880	348.880	290.543	348.880	60.760	215.000	384	83	83	100	100	17	62
3	Vốn ngân sách huyện			82.000	31.045	75.387		55.000			38		92		67
4	CTMTQG NTM NSĐP	14.907	15.000	15.000	10.190	15.000	9.000	9.000	68	68	68	100	100	60	60
5	BTXM (vốn ngân sách huyện)	9.485		15.120	8.950	15.120			94		59		100		
6	Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp (nguồn XSKT)	13.157	7.000	7.000	6.065	7.000			46	87	87	100	100		
7	Vốn BTXM NS tỉnh hỗ trợ	4.386	2.478	2.478		2.478			0	0	0	100	100		
8	CTMTQG NTM NSTW				4.273	11.104									
II	TỔNG CHI THƯỜNG XUYỀN	373.428	521.766	437.212	347.121	437.212	482.960	416.310	93	67	79	84	100	93	95
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	97.211		96.516	66.357	96.516		68.513	68		69		100		71
1.1	Chi sự nghiệp nông lâm thủy lợi	4.912		8.154	6.336	8.154		6.612	129		78		100		81
1.2	Chi sự nghiệp giao thông	58.612		20.000	13.095	20.000		11.000	22		65		100		55
1.3	Chi SN kiến thiết thị chính, SN khác	33.687		68.362	46.926	68.362		50.901	139		69		100		74
2	Chi sự nghiệp môi trường	61		6.153	353	6.153		6.000	579		6		100		98
3	Sự nghiệp giáo dục & đào tạo	123.123		149.717	122.942	149.717		151.338	100		82		100		101
4	Chi sự nghiệp y tế	29.101		40.164	27.335	40.164		49.053	94		68		100		122
5	Sự nghiệp Văn hóa du lịch & thể thao	1.612		2.797	2.554	2.797		2.387	158		91		100		85
6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	722		1.097	935	1.097		1.415	130		85		100		129
7	Chi đảm bảo xã hội	6.571		8.570	7.701	8.570		8.970	117		90		100		105
8	Chi Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội	88.283		104.384	94.278	104.384		101.140	107		90		100		97
9	Chi Quốc phòng - An ninh	25.180		25.814	22.763	25.814		23.494	90		88		100		91
9.1	Chi quốc phòng	19.711		19.905	18.065	19.905		17.876	92		91		100		90
9.2	Chi An ninh	5.469		5.909	4.698	5.909		5.618	86		80		100		95
10	Chi khác ngân sách	1.564	1.774	2.000	1.903	2.000	1.774	4.000	122	107	95	113	100	100	200
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	24.167	18.017	18.017	9.681	18.017	11.334	11.334	40	54	54	100	100	63	63
IV	CHI CHUYỂN NGUỒN			12.874	4.471	12.874							100		0
V	CHI HOÀN TRẢ NS CẤP TRÊN							10.410							

[Chữ ký]